

NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG ĐỜI SỐNG LỄ NGHI Ở LÀNG NGHỀ LA PHÙ, HOÀI ĐỨC, HÀ TÂY

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Giới thiệu

Sau gần hai thập kỷ Đổi Mới, nông thôn Việt Nam đã chứng kiến một sự thay đổi lớn lao không chỉ ở sự cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất của người dân mà còn ở cả sự tăng cường các lễ nghi trong gia đình và cộng đồng. Hiện tượng đó đã thu hút sự quan tâm của rất nhiều học giả từ nhiều lĩnh vực, trong và ngoài nước, tập trung phân tích, lý giải nguyên nhân và bản chất của nó (Long 1993, Kleinen 1999, Malarney 1993 và 1996, Truong Huyền Chi 2000 .v.v). Có ý kiến cho rằng thịnh vượng kinh tế cùng với sự cải biến về văn hóa - xã hội đã tạo điều kiện cho người dân tổ chức những lễ nghi ngày càng phức tạp (Long 1993). Một số ý kiến khác lại giải thích sự phục hồi và tăng cường các lễ nghi hiện nay là do quá trình tự khẳng định lại mình của một số cá nhân, các nhóm xã hội trong nội bộ làng xã nhằm nâng cao uy tín và ảnh hưởng của họ đối với cộng đồng địa phương (Malarney 1993 và 1996, Kleinen 1999). Trong khi đó, có nghiên cứu lại cho rằng việc tổ chức lại các lễ nghi của cộng đồng làng xã là kết quả của quá trình tăng cường khả năng thảo luận giữa các cá nhân, nhóm xã hội có quyền lợi khác nhau trong làng xã và sự tiếp tục mối quan hệ lịch sử giữa làng và nước hay chính quyền địa phương (Truong Huyền Chi 2000).

Mặc dù có sự khác nhau trong việc giải thích về sự phục hồi và tăng cường các lễ nghi ở Việt Nam hiện nay nhưng một điểm chung trong các nghiên cứu trên là phần lớn các tác giả đều cố gắng tìm hiểu phân tích xem trong quá trình biến đổi của các lễ nghi, những yếu tố nào được phục hồi, phục hồi như thế nào, phục hồi vì cái gì và

cho ai. Các kết quả nghiên cứu cho thấy các lễ nghi đều tăng mạnh từ giữa những năm 80 của thế kỷ trước, nhưng không có sự phục hồi hoàn toàn những truyền thống đã có từ trước năm 1945 mà các lễ nghi hiện nay đều trải qua một sự cải biến, tái tạo. Vấn đề đặt ra đối với La Phù và những làng nghề trù phú khác ở đồng bằng Bắc Bộ là với lối sống văn minh công - thương nghiệp và đô thị của họ hiện nay thì sự tăng cường và những biến đổi của lễ nghi trong đời sống làng xã ở đây diễn ra như thế nào? Nó có gì khác so với những làng vẫn làm nông nghiệp? Và liệu sự tăng cường các lễ nghi, phong tục ở đó có tác động gì đến sự phát triển kinh tế - xã hội của làng nghề hay không?

Để làm rõ vấn đề, chúng tôi sẽ tập trung vào một số nghi lễ diễn ra tại đình làng và chùa. Dựa trên quan điểm của Malarney (2002), chúng tôi xem các lễ nghi của cộng đồng là những dịp quan trọng để người dân thể hiện và làm tròn các bổn phận đạo đức của mình. Một khi kinh tế càng phát triển người ta càng quan tâm, chú ý đến lễ nghĩa hơn (*Phú quý sinh lễ nghĩa*). Một chủ cơ sở sản xuất hay một chủ doanh nghiệp giàu có, làm ăn giỏi trong làng sẽ bị coi là sống không có đạo đức và không được dân làng tôn trọng nếu không thực hiện đầy đủ các lễ nghi trong phạm vi gia đình và không tham gia đầy đủ vào các lễ nghi của làng xóm, cộng đồng. Đây chính là những dịp để kiểm nghiệm các mối quan hệ làng xã và kết nối tinh thần cộng đồng của làng (Kleinen 1999: 162).

Đôi nét về làng nghề La Phù

Nằm trong khu vực "bảy làng La, ba làng Mỗ" nổi tiếng về nghề dệt thủ công truyền thống,

La Phù là một làng nghề rất năng động của huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây. Từ tr-ớc thời kỳ thuộc Pháp, ngoài nghề dệt truyền thống ng-ời dân nơi đây đã tự tìm tòi, phát triển cho mình nhiều ngành nghề phụ nh- buôn trâu, buôn gỗ. Càng về sau này, càng có nhiều ngành nghề phụ đ-ợc duy trì trong làng nh- dệt kim, làm nha, sản xuất bánh kẹo, làm bún, miến....Tuy nhiên, sự phát triển và lớn mạnh thật sự của làng nghề La Phù chỉ đ-ợc tính đến từ những năm Đổi Mới với hai ngành nghề mũi nhọn là dệt len (dệt quần áo, mũ, tất) và làm bánh kẹo.

Nghề dệt ở La Phù đã chuyển dần theo h-ớng công nghiệp hoá và tập trung cho xuất khẩu. Trong làng có tới 23 công ty trách nhiệm hữu hạn và hàng chục tổ hợp sản xuất với đầy đủ các máy móc, thiết bị hiện đại. Tỷ lệ hộ gia đình làm nghề thủ công và dịch vụ trong làng chiếm đến 66%. Năm 2003, GDP của La Phù là 344,7 tỉ đồng, trong đó sản xuất công nghiệp là 280 tỉ, chiếm 81,2% (Tạ Long, Trần Hồng Yến, Nguyễn Thị Thanh Bình 2004). Sự phát triển của thủ công nghiệp ở La Phù không chỉ làm thay đổi hoàn toàn cơ cấu kinh tế truyền thống của làng quê nơi đây mà còn góp phần giải quyết công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động trong vùng.

Với sự phát triển mạnh mẽ của nghề thủ công và tính năng động cao trong hoạt động kinh tế, mức sống của ng-ời dân La Phù đã có những thay đổi b-ớc ngoặt. Năm 2003, thu nhập bình quân đầu ng-ời của La Phù là 6.800.000đ/ng-ời, cao hơn cả thu nhập bình quân ở thành thị và gấp hơn hai lần thu nhập bình quân ở nông thôn nói chung¹. Sự phồn thịnh của làng quê nơi đây đ-ợc thể hiện rõ nét qua hệ thống nhà cửa và các tiện nghi trong các gia đình. Lối sống sinh hoạt của ng-ời dân đã phần nào mang những nét văn minh công nghiệp và đô thị nh-ng đời sống lễ nghi cộng đồng và nhiều

phong tục tập quán của làng xã vẫn đ-ợc duy trì và có phần đ-ợc củng cố mạnh mẽ hơn so với các làng trong vùng. Cải cách kinh tế và sự phát triển của nghề thủ công đã tạo ra những chuyển biến mới trong các nghi lễ của cộng đồng so với tr-ớc. Nghiên cứu này sẽ cố gắng xem xét quá trình biến đổi nghi lễ ở đình và chùa của làng nghề La Phù qua các thời kỳ nhằm làm rõ hơn nữa mối quan hệ giữa sự phát triển kinh tế và sự tăng c-ờng các lễ nghi ở nông thôn Việt Nam hiện nay.

Các nghi lễ truyền thống ở La Phù tr-ớc Cách mạng

Trung tâm chính của nghi lễ trong làng tr-ớc Cách mạng Tháng Tám là đình làng. Theo ý kiến của các cụ trong làng, đình ở đây xây dựng từ rất sớm nh-ng đã nhiều lần bị cháy vì vật liệu dùng để làm đình bằng tranh tre nứa lá. Năm 1782 nó đ-ợc xây dựng lại lần đầu tiên bằng gỗ quý, gạch lợp ngói nh- hiện nay. Đình La Phù thờ Tĩnh Quốc Công Đại V-ong, một vị t-ớng có công giữ n-ớc ở thời Hùng V-ong thứ 18. X- a kia, khi tổ tiên ng-ời La Phù khai phá dựng làng đặt tên là La N-ớc với hai thôn: thôn Th-ợng và thôn Hạ. Thôn Th-ợng gồm các xóm của La Phù nh- hiện nay, còn thôn Hạ, nay là thôn Đồng Nhân thuộc địa phận xã Đông La kề bên. Hai thôn chỉ cách nhau khoảng 1,5 km. Tr-ớc Cách mạng Tháng Tám cả hai vẫn chung một chính quyền. Cho đến năm 1948, Pháp tạm chiếm và lập làng tề thì hai thôn mới tách riêng.

Tục truyền rằng khi giặc Thực xâm l-ợc, Tĩnh Quốc Công Đại V-ong đ-ợc phong làm tiên đạo t-ớng quân và đem quân về khu bãi sông Đáy thuộc địa phận thôn Đồng Nhân. Từ khi Ngài về lập đồn, luyện quân dân làng đ-ợc yên vui, hạnh phúc hơn. Cảm tạ ơn đức của Ngài, ng-ời dân nơi đây đã xin sau này lập đền thờ Ngài và tôn vinh Ngài làm thành hoàng làng và đ-ợc Ngài -ng thuận. Sau khi phá tan giặc ngoại xâm, Ngài đã hoá vào ngày 14 tháng giêng tại khu bãi ven sông. Tại đây dân làng đã lập một ngôi đền thờ Ngài gọi là Quán Cháy, hay còn gọi là đình Hạ

¹ Số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê cho thấy thu nhập bình quân đầu ng-ời ở thành thị năm 2002 là 625.900đ và thu nhập bình quân đầu ng-ời ở nông thôn nói chung là 274.900đ (Tổng cục Thống kê 2003).

cùng với ngôi đình ở giữa làng hiện nay gọi là đình Th-ong. Trong đình vẫn còn l-u giữ đ-ợc 14 đạo sắc phong của các triều vua từ năm 1730 đến năm 1924.

Việc thờ phụng tế lễ ở đình tr-ớc kia rất cầu kỳ và nghiêm ngặt, diễn ra vào nhiều dịp khác nhau trong năm và do các môn và 6 giáp trong làng đảm nhiệm. □ La Phù, các thành viên của giáp tr-ớc kia cũng chia theo bàn nh-ng là 5 bàn chứ không chỉ đơn thuần là 3 bàn nh- các nơi khác (Nguyễn Từ Chi 2003: 294). Khi một bé trai mới sinh ra, cha mẹ cho vào giáp là ở bàn năm (bàn em út). Sau đó sẽ lên bàn t- rồi bàn ba. Khi đã ở bàn ba là ng-ời đó bắt đầu có trách nhiệm với các việc của giáp. □ bàn ba đ-ợc 4 năm thì đ-ợc lên bàn nhì và sau 4 năm tiếp nữa thì đ-ợc lên môn chạ. Đã là môn chạ đ-ợc 4 năm thì theo thứ tự tr-ớc sau sẽ đ-ợc làm cai đám, nuôi lợn và sửa lễ cúng thần hoàng. Các thành viên của giáp đ-ợc tham gia các công việc chuẩn bị cho cúng lễ nh- thổi xôi, mổ lợn từ bé, cho đến khi 20 tuổi nhiều ng-ời đã đ-ợc làm cai đám.

Trong năm có rất nhiều nghi lễ đ-ợc tiến hành ở đình. Nh-ng ngoài các lễ sóc vọng (rằm, mông một hàng tháng) thì hội làng là nghi lễ quan trọng nhất trong năm. Ngay từ tối 13 tháng chạp ng-ời ta đã tập hợp và phân chia công việc chuẩn bị cho lễ hội tại đình. Các thành viên đ-ợc chia thành 3 chiếu hay còn gọi là 3 chức vụ: quan củ, quan trong và quan tiểu cố. Quan củ là đại diện của môn sắc cử ra. Quan trong là 6 ng-ời đại diện cho 6 giáp làm nhiệm vụ cai đám cho năm đó. Còn quan tiểu cố là 24 ng-ời do 6 giáp cử ra làm nhiệm vụ trông nom, giám sát việc đình. Sau khi cất cử công việc xong, từ ngày 16 tháng chạp, 6 ông cai đám phải ăn ngủ tại đình từ đó cho đến ngày 15 tháng giêng. Họ cũng là ng-ời phải lo mua sắm các đồ lễ chuẩn bị cho các tuần tế lễ nh- lợn vàng thờ, mũ mã thờ, dầu hoả, pháo và lo việc thay áo mũ cho thần hoàng.

Đầu xuân năm mới, vào ngày mông 4 tết, đình làng vang tiếng trống báo họp bàn lễ hội. Tại đây, dân làng sẽ bàn bạc và quyết định năm đó lễ hội hay hội lễ. Ngày mông 6 là lễ nhập tiệc, nếu mở hội thì đem kiệu trông đờn và bao sái các khí tự, kiệu quạt để sáng mông 7 r-ớc Thánh xuống đền Hạ làm lễ phụng nghinh. Sau đó, 5 giờ chiều dân làng lại r-ớc Thánh quay về đình vào khoảng nửa đêm tiến hành tế yên vị.

Từ ngày mông 8 các xóm sửa lễ mừng Thánh về đình và tổ chức các trò chơi nh- chèo hát, đấu vật, cờ t-ống, chọi gà. Từ đêm mông 10 cho đến hết đêm 13, mỗi tối làng tổ chức 1 tuần tế, riêng ngày 14 có 2 tuần tế. Đó là do đêm 13 dân làng tổ chức r-ớc lợn, cùng lúc đó trong đình tổ chức tế gọi là tế xác. Thông th-ờng lễ r-ớc lợn vào đình kết thúc vào lúc 1 giờ sáng ngày 14 và ng-ời ta làm lễ tế giỗ. Sau đó đến đêm 14 lại tổ chức tế hội đồng. Và việc tế lễ chỉ kết thúc vào chiều ngày 15 với việc tế giã hay còn gọi là mãn tiệc.

Có lẽ lễ r-ớc lợn vào ngày 13 tháng giêng là một nghi lễ rất đặc sắc và độc đáo của lễ hội La Phù. Việc trang trí cho lợn r-ớc rất cầu kỳ. Lợn mổ xong phải để cả con. Ng-ời ta xếp lợn nằm trên một chiếc chõng cao khoảng 1m20 rồi lấy mỡ cây của lợn trùm kín từ đầu xuống đến l-ng. Phía đầu lợn phải đóng một thang ngang cao, sao cho đầu lợn ngẩng cao hơn mình. Sau đó cắt giấy màu làm thành mũ dán trên trán, hoa dán lên tai và mũi của lợn sao cho đẹp. Việc r-ớc lợn đ-ợc tiến hành vào buổi tối, ánh sáng của đèn và đuốc lại càng khiến cho buổi r-ớc trở nên rất đẹp.

Theo tục lệ, khi làm thịt lợn ng-ời ta bắt buộc phải lấy một ít lông mao của lợn và một ít tiết đặc gói lại để vào trong một ngọn đuốc nhỏ để vào chõng r-ớc lợn ra đình. Trong buổi tế, khi đông tán x-ống phế mao huyết, các ngọn đuốc của các giáp đều đ-ợc đốt lửa dâng lên, một hành động trình với Đức Thành Hoàng rằng lợn của họ là lợn lành và khoẻ. Sau đó các bó đuốc

đ-ợc đem ra ném xuống ao cửa đình. Từ x-a đến nay làng đều có lệ thi trong buổi r-ớc. Lợn của giáp nào hay xóm nào đẹp nhất thì đ-ợc th-ởng. Phần th-ởng chỉ là một ít chè và thuốc lá nh-ng nó luôn là mong muốn của tất cả ng-ời dân các xóm và thu hút sự quan tâm của mọi ng-ời tham gia lễ hội.

Bên cạnh lễ hội trên, hội chùa cũng là một lễ hội quan trọng trong đời sống lễ nghi cộng đồng ở La Phù. Tr-ớc năm 1948, La Phù có 4 ngôi chùa: Thiên H-ng Tự (hay còn gọi là chùa Tổng), Trung H-ng Tự (chùa Cả), Quang Lộc Tự (chùa Độc) và Kim Lân Tự (chùa Bãi). Kim Lân Tự thuộc địa phận thôn Đồng Nhân nên kể từ khi thôn này bị tách khỏi La Phù về mặt hành chính năm 1948, mọi sinh hoạt tín ng-ỡng thờ Phật của ng-ời dân trong làng tập trung chủ yếu vào 3 ngôi chùa còn lại. Thiên H-ng Tự là một ngôi chùa khá lớn trong vùng đ-ợc xây dựng từ thời Lý, thờ Tam Vị Thánh Tổ: Đức Từ Đạo Hạnh, Đức Nguyễn Minh Không và Đức Giác Hải. Có hai ngôi chùa của 2 làng bên cạnh là chùa Múa (làng La D-ơng) và chùa Văn (làng Ngãi Cầu) đều cùng thuộc tổng Yên Lũng với La Phù tr-ớc kia cũng thờ ba vị Thánh tổ, vì vậy vào ngày 8 tháng 3 âm lịch hàng năm cả ba làng cùng tổ chức r-ớc Thánh. Trong ngày này, ng-ời ta tổ chức r-ớc sắc phong từ chùa Cả lên chùa Tổng và dâng sắc phong vào chùa rồi tổ chức tế lễ. Các gia đình th-ởng sửa lễ lên chùa và nhiều trò chơi cũng đ-ợc tổ chức trong lễ hội.

Năm 1947 h-ởng ứng lời kêu gọi tiêu thổ kháng chiến của chính quyền Cách mạng, ngôi chùa Tổng đã bị phá bỏ để ngăn ngừa quân Pháp chiếm chùa làm đồn bót. Kể từ đó dân làng đã r-ớc 3 vị Thánh tổ về chùa Cả để thờ. Hàng năm, ngoài các lễ tiết rằm mồng một hàng tháng, các ngày lễ của đạo Phật, nghi lễ của chùa còn tập trung vào dịp tháng chạp, tết, hội làng và hội chùa. Đây là những dịp ng-ời dân trong làng cùng đóng góp công sức, tiền của cho các nghi lễ thờ Phật Thánh.

Những biến đổi trong thời kỳ chiến tranh và hợp tác hoá nông nghiệp

Những lễ hội tại 6 nơi thờ cúng của làng trên cho thấy tr-ớc kia ng-ời dân La Phù rất coi trọng các nghi lễ và tín ng-ỡng cộng đồng. Các lễ hội đó đóng vai trò thật sự quan trọng trong đời sống làng xã tr-ớc Cách mạng. Tuy nhiên trong thời kỳ chiến tranh và hợp tác xã, những nghi lễ này đã bị mai một đi rất nhiều. Từ năm 1945 cho đến năm 1953, La Phù không tổ chức r-ớc thân hoàng. Năm 1954, dân làng tổ chức đ-ợc một lần r-ớc và năm 1956 là lần r-ớc cuối cùng tr-ớc khi bắt đầu b-ớc vào thời kỳ hợp tác xã nông nghiệp. Do điều kiện chiến tranh loạn lạc và kinh tế khó khăn, trong những năm đó ng-ời dân chỉ tổ chức r-ớc lệ, không có tế lễ, không có r-ớc lợn mà chỉ có lễ gà để dâng Thánh.

Không giống nh- Cách mạng văn hoá ở Trung Quốc, sau khi giành đ-ợc chính quyền, Chính phủ n-ớc Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chỉ quan tâm đến việc xây dựng nếp sống mới, hay còn gọi là đời sống mới ở cấp cơ sở. Chiến dịch thực hiện nếp sống mới đ-ợc bắt đầu từ ngày 3 tháng 4 năm 1946 với sự thành lập Ban Trung-ơng vận động đời sống mới. Tuy nhiên chiến dịch này chỉ đ-ợc thực hiện ở một số rất ít địa ph-ơng trong thời gian đầu. Mãi cho đến cuối năm 1954, nó mới đ-ợc thực hiện trên quy mô toàn quốc (Malarney 2002: 61). Trong thực tế, chính quyền Cách mạng chỉ cấm hoàn toàn một số nghi lễ tại đình làng nh- tế lễ và những hoạt động mê tín về cõi âm nh- gọi hồn, cúng bái. Những nghi lễ khác vốn đ-ợc coi là thuần phong mỹ tục của dân tộc thì đ-ợc giữ nguyên hoặc đ-ợc cải biến.

Chính bởi sự xuất hiện của chiến dịch vận động trên nên năm 1954 là thời điểm tổ chức lễ hội truyền thống cuối cùng của nhiều làng quê ở đồng bằng Bắc Bộ. Nhiều ý kiến cho rằng với sự hình thành và lớn mạnh của các hợp tác xã nông nghiệp vào những năm đầu thập niên 60, sự can thiệp của chính quyền các địa ph-ơng đối với tín

ng- òng và các hoạt động tôn giáo mới thực sự bắt đầu mạnh hơn những năm 50 (Endres 2001: 80). Đình chùa bắt đầu đ- ọc sử dụng làm trụ sở hợp tác xã, nhà văn hoá hoặc nhà kho. □ một số nơi do cán bộ địa ph- ơng thực hiện các chủ tr- ơng chính sách một cách quá cứng nhắc, thái quá nên t- ợng phật, các đồ thờ cúng của đình chùa bị đem ra đập phá hoặc đốt.

Tại La Phù, khu vực đình trung đ- ọc sử dụng để làm trụ sở hợp tác xã và kho chứa sợi. Tuy nhiên, phía hậu cung vẫn đ- ọc giữ nguyên. Các sân chùa đ- ọc tr- ơng dụng làm nơi phơi lúa, phơi rơm và buộc trâu nh- ơng phía trong chùa vẫn đ- ọc bảo vệ. Không có hiện t- ợng xâm phạm các di tích ở La Phù trong thời kỳ này. Giải thích cho hiện t- ợng này, nhiều ng- ời dân cho rằng đó là do ng- ời dân ở đây sùng bái thần phật. Những câu chuyện về sự linh thiêng của các ngôi đình, ngôi chùa làm cho ng- ời dân không dám đụng tới hay phá hoại chúng (Malarney 2002: 93). Ngay cả các cán bộ chính quyền lúc đó cũng tin vào điều ấy vì trong chiến tranh nhiều cán bộ Việt Minh ẩn ấu trong đình chùa đã tránh đ- ọc sự vây bắt của quân Pháp.

Sự tôn trọng các di tích lịch sử của chính quyền đ- ọc thể hiện phần nào ở việc duy trì ruộng đình, ruộng chùa. Sau cải cách ruộng đất, chính quyền La Phù đã để lại cho đình 3 sào và cho chùa 2 sào ruộng để cày từ và nhà s- tiếp tục đền h- ơng. Khi tổ chức món, giáp bị xoá bỏ, các lễ sóc vọng hàng tháng ở đình đ- ọc phân cho các xóm, mỗi xóm chịu trách nhiệm 4 kỳ.

Trong những năm 60 thế kỷ tr- ớc, dân làng vẫn duy trì đ- ọc các lễ tế giỗ thành hoàng mặc dù lễ vật chỉ đơn giản bằng xôi gà, oản quả. Các cụ bà vẫn lên chùa lễ nh- ơng không có hoặc rất ít lễ lạt đi kèm.

Việc lễ bái thực sự bị bỏ bê vào những năm 70 khi đi kèm với chiến dịch vận động nếp sống mới là chiến dịch vận động xây dựng con ng- ời mới xã hội chủ nghĩa mà mục tiêu của nó cũng là

ngăn ngừa sự trở lại của các phong tục lạc hậu và mê tín dị đoan. Những cố gắng đó đã tạo ra sự phá vỡ cấu trúc xã hội cũ và thay thế bằng các chức năng chính trị của lễ nghi. Đình với t- cách là nhà văn hoá là nơi diễn ra các đám c- ới tập thể. Cũng tại đây, những cuộc tổng kết các cuộc thi sản xuất giỏi và những cuộc mít tinh phát động xã viên hoàn thành v- ợt mức trong các vụ mùa tiếp theo thay thế cho các lễ hội hàng năm (Endres 2001: 81). Nhắc đến giai đoạn này, ng- ời dân th- ờng gọi là thời 'thịt lợn bóp mũi'². Chủ tr- ơng tiết kiệm, lành mạnh trong đời sống văn hoá của các gia đình, cộng đồng làm hạn chế đến mức thấp nhất các chi phí của ng- ời dân cho các lễ nghi.

Hơn thế nữa, tất cả ng- ời dân trong làng đều cho rằng ở thời điểm đó ai cũng phải lo làm công điểm hợp tác xã để đảm bảo bữa ăn cho gia đình nên không ai quan tâm đến lễ bái. Có ý kiến còn cho rằng: "Lúc đó [thời hợp tác xã] dân khổ, đói khát thì nghĩ gì đến lễ bái. Cái tâm thì có nh- ơng lực thì không." (phỏng vấn ông H.Q ở xóm Tiên Phong). Khủng hoảng kinh tế những năm cuối 70 đè nặng lên cuộc sống của ng- ời dân đến nỗi họ không quan tâm đến chùa chiền và s- sãi. Các nhà s- ở La Phù không những không có gạo để nấu oản dâng phật ngày rằm mồng một mà ngay cả gạo để ăn cũng không có. Một nhà s- trụ chi chùa Quang Lộc Tự đã bán một phần đất chùa mà ng- ời dân cũng không hề biết.

B- ớc sang những năm đầu 80, chiến tranh đã chấm dứt và đời sống của ng- ời dân phần nào đ- ọc cải thiện nhờ chính sách khoán 100, ban hành năm 1981. Bắt đầu từ đây, việc tế lễ ở đình đ- ọc khôi phục. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế của ng- ời dân vẫn còn khó khăn nên những khi

² Thực hiện chỉ thị nếp sống mới, việc tổ chức ăn uống cỗ bàn bị hạn chế rất nhiều. Ngoài ra, ng- ời dân cũng phải có nghĩa vụ chăn nuôi với nhà n- ớc thể hiện qua việc bán sản phẩm chăn nuôi cho nhà n- ớc theo định mức. Chính vì vậy, những khi ng- ời dân có việc cần mổ lợn thì phải mổ một cách bí mật, tránh để lợn kêu gây sự chú ý của chính quyền.

tổ chức tế thành hoàng ở một số xóm ng-ời dân cùng rủ nhau góp tiền mua lợn sữa lễ dù rằng rất nhỏ, chừng 20kg; còn nhiều xóm khác chỉ có thể mua đ-ợc lễ vật bằng chè oản. Vào thời gian này, các hợp tác xã trong làng bắt đầu ủng hộ việc tế lễ bằng một số vật chất nhất định nh- thóc, thịt, dầu đèn. Sự phục hồi hoàn toàn lễ tế và r-ớc lợn 13 tháng giêng hàng năm ở La Phù chỉ thực sự bắt đầu sau khi có cơ chế thị tr-ờng.

Sự phục hồi của các lễ nghi sau cải cách kinh tế

Việc phục hồi và duy trì các nghi thức ở đình đ-ợc củng cố bằng việc thành lập Ban Khánh tiết của làng vào năm 1985. Các cụ trong làng tham gia ban này đều đóng mỗi ng-ời 10kg thóc để cho vay lấy lãi chi tiêu cho việc tế ở đình ngày 13 tháng giêng và hội chùa ngày 8 tháng 3 hàng năm. Nh-ng sự phục hồi thực sự mạnh mẽ phải là từ những năm 90 khi hàng loạt các công trình kiến trúc đình chùa đ-ợc tu sửa, xây dựng lại. Đây là lúc kinh tế làng nghề của La Phù đã thực sự có nhiều chuyển biến mới. Đời sống của đại bộ phận các hộ gia đình trong làng đã khá hơn tr-ớc.

Trong khi lý giải hiện t-ợng phục hồi của các lễ nghi, ý kiến thảo luận của các nghiên cứu đ-ợc chia thành hai nhóm chính: một bên khẳng định tính quyết định của đời sống kinh tế đối với nghi lễ, một bên nhấn mạnh nhiều hơn đến tác động của chính sách mở cửa Nhà n-ớc đối với vấn đề tôn giáo tín ng-ỡng và sự hình thành các không gian xã hội trong cộng đồng làng xã mà ở đó các cá nhân có thể đ- ra các quyết định của mình. Nghiên cứu này cho rằng cả hai yếu tố trên đều là cơ sở cho sự phục hồi các lễ nghi gần đây. Tuy nhiên, thực tế ở La Phù và nhiều nơi khác đã cho thấy sự cải thiện về mặt đời sống kinh tế đ-ợc xem nh- là yếu tố tiên đề cho quá trình đó.

Vào những năm cuối thập niên 70, đầu 80 khi một số lễ nghi đình chùa đ-ợc hồi sinh, vẫn ch- a

có các quy định hay h-ớng dẫn chính thức nào của Nhà n-ớc về việc tổ chức các lễ hội. □ nhiều địa ph-ong, ng-ời ta đã "phá rào" một cách tự phát và thậm chí ở những nơi chính quyền vẫn còn duy trì việc cấm đoán tổ chức lễ bái, ng-ời dân đã tổ chức các lễ hội một cách bí mật (Tr-ong Thìn 1993, trích trong Endres 2001: 86-87). Và nh- vậy nhu cầu phục hồi các nghi lễ đ-ợc hình thành từ điều kiện kinh tế khá hơn tr-ớc đã tạo ra sức ép buộc chính quyền các cấp phải thay đổi chính sách về tín ng-ỡng và việc quản lý các công trình văn hoá và lễ hội.

Nh- đã trình bày ở trên khi nghiên cứu vấn đề hồi phục các lễ nghi ng-ời ta th-ờng quan tâm đến vấn đề ai phục hồi và phục hồi nh- thế nào. Nghiên cứu về Thịnh Liệt (Hà Nội) của Malarney (2003) cho thấy các cụ bà đóng vai trò khá quan trọng trong các việc làng còn nghiên cứu của Endres (2001) ở làng đúc đồng Đại Bái (Bắc Ninh) cho thấy nữ giới đóng vai trò chăm lo cho các nghi lễ ở gia đình hơn là cộng đồng. Sự phục hồi nghi lễ ở La Phù lại cho chúng ta thấy một bức tranh chi tiết hơn về vai trò của giới.

Nếu nh- các cụ ông ở La Phù là những ng-ời đóng vai trò quan trọng trong việc khôi phục lại đ-ợc các lễ sóc vọng và lễ tế ở đình làng thì các cụ bà lại là ng-ời có công trong việc khởi x-ớng đòi đất và xây dựng lại chùa. Nh- đã trình bày ở trên, chùa Tổng của La Phù bị phá huỷ vào năm 1947 do tiêu thổ kháng chiến. Kể từ đó một số hộ dân xung quanh và nhiều cơ quan nhà n-ớc đã sử dụng hầu hết hơn 3 mẫu Bắc Bộ diện tích đất chùa để làm trụ sở. Dấu vết ngôi chùa chỉ còn trơ lại một nền đất hoang xung quanh là cây cỏ mọc um tùm. Vào năm 1990, khi đi lễ ở chùa Cả, một cụ bà lớn tuổi trong làng tình cờ rủ một số ng-ời khác đi lên lễ chùa Tổng. M-ời sáu cụ bà cùng nhau mang lễ tìm lại nền chùa cũ để lễ Phật. Cũng bắt đầu từ đây một ý t-ởng phải xây dựng lại chùa đ-ợc hình thành trong suy nghĩ của họ.

Cuộc hành trình đi đòi đất chùa của các cụ diễn ra rất quyết liệt trong 2 năm. Lúc đầu các cụ vừa làm đơn gửi đi tất cả các cấp chính quyền ban ngành của tỉnh, huyện vừa tự xây dựng một gian miếu nhỏ trên nền đất chùa cũ để cúng bái.

□ giai đoạn đầu đó, họ vấp phải sự phản ứng quyết liệt của các cơ quan đóng trên đất chùa và sự kh- ớc từ của các cấp chính quyền. Trong khi đó đại bộ phận ng- ời dân lúc này ch- a quan tâm nhiều đến tín ng- ỡng, còn các cụ ông thì sợ bị liên luy đến chính quyền nên không dám tham gia. Về sau, một cụ ông là ng- ời rất thông thạo về đ- ờng đi lối lại và am hiểu về đơn từ, lý lẽ đã giúp các cụ bà làm đơn từ và dẫn các cụ đi tới các cơ quan chức năng. □ng thậm chí còn tìm đến những nhà nghiên cứu có tiếng và có ảnh h- ởng trong ngành văn hoá để tìm đến sự giúp đỡ. Sự bài bản trong cách làm của ông còn thể hiện ở chỗ ông đã lập đ- ọc hồ sơ di tích chùa Tổng để trình lên chính quyền các cấp.

Trong giai đoạn sau này, một mặt các cụ th- ờng xuyên thuê xe ô tô đi lên Trung - ơng, tỉnh để đề nghị lãnh đạo các cấp giải quyết sự vụ, mặt khác họ cũng th- ờng xuyên gây sức ép đối với lãnh đạo, nhân viên các cơ quan đóng trên đất chùa để buộc họ phải di chuyển. Chi phí cho các hoạt động đi lại ăn ở đều do các thành viên tham gia tự trang trải. Nhiều ng- ời dân cho rằng những việc làm đó là điều không thực tế, còn chính quyền địa ph- ơng cũng không đồng tình với việc kiện tụng gây ảnh h- ởng đến thành tích của xã. Chính vì vậy những ng- ời tham gia đòi đất chùa lúc đó phải chịu sức ép rất nhiều từ chính quyền và ngay cả những ng- ời trong làng và ng- ời thân.

Tuy nhiên, tr- ớc sự bền bỉ và quyết liệt của các cụ và xét những giá trị lịch sử văn hoá của ngôi chùa Tổng cũ, chính quyền các cấp đã ra quyết định cấp đất cho việc xây lại chùa. Chính những ng- ời trong cuộc và ng- ời dân trong làng cũng không tin nổi rằng họ đã di chuyển đ- ọc cả một trụ sở của ngân hàng huyện và một tr- ờng

dạy nghề ra khỏi diện tích 1400 m² đất. Lúc này các cụ ông và nhiều ng- ời dân trong làng mới bắt đầu vào cuộc.

Năm 1992, việc xây dựng lại chùa Tổng đ- ọc tiến hành. Đây là một sự kiện lớn trong làng xã đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ của các lễ nghi trong làng. Cần phải khẳng định rằng tr- ớc đó nhiều ng- ời dân, đặc biệt là những ng- ời ở độ tuổi trung niên và thanh niên còn mải mê với làm nghề, phát triển kinh tế và còn thờ ơ với những hoạt động nghi lễ của cộng đồng. Các cụ trong làng đã tổ chức họp dân, phát động ng- ời dân h- ởng ứng việc xây chùa. Họ đã khích lệ giới trẻ trong làng bằng cách nhấn mạnh đến công lao xây đắp của thế hệ ông cha từ những lúc còn nghèo nàn, cực khổ và trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay trong việc duy trì, phát triển các công trình văn hoá lịch sử của làng khi điều kiện kinh tế đã khá giả. Từ đó, sự đóng góp vật chất của ng- ời dân đối với việc tu bổ đình chùa ngày càng lớn.

Từ năm 1992 đến năm 1995, ng- ời dân đã tự nguyện góp để sửa chùa Tổng chi phí hết 500 triệu đồng. Năm 1996, dân làng lại sửa chùa Dộc với chi phí 300 triệu đồng và năm 1998 sửa chùa Cả hết 500 triệu đồng. Năm 2003, đình làng đ- ọc sửa hết 200 triệu đồng. Không chỉ đóng góp tiền xây dựng mà các hộ dân còn công đức các đồ trang trí và tế tự. Nếu nh- tr- ớc năm 1900, đình làng La Phù chỉ có một câu đối gián giấy, năm 1901 mới có một đôi câu đối bằng gỗ sơn son thiếp vàng đầu tiên thì gần đây, sau một thời gian ngắn phát động, đình làng La Phù đã nhận đ- ọc 20 đôi câu đối, mỗi câu đối trị giá khoảng 2 triệu đồng từ các hộ gia đình đăng ký công đức. Riêng tr- ờng họp đôi câu đối chung do xóm Minh Khai ủng hộ đ- ọc dát bằng vàng với trị giá hơn 10 triệu đồng.

Ngoài tiền mặt và vật chất đóng góp cho việc xây dựng đình chùa, hầu hết các hộ dân cũng đóng góp về nhân lực phục vụ cho công việc đó. Tuy nhiên, do bận rộn với việc làm nghề nên chỉ

những ng-ời lớn tuổi trong làng mới trực tiếp tham gia lao động xây dựng đình chùa, còn hầu hết các hộ gia đình phải thuê m-ớn nhân công ngoài làng để đóng góp lao động cho làng.

Những gì diễn ra ở La Phù nói riêng và ở các địa ph-ong khác nói chung th-ờng dễ khiến nhiều ng-ời tự hỏi tại sao khi kinh tế phát triển ng-ời dân không dùng tiền kiếm đ-ợc vào đầu t-cho cơ sở hạ tầng của địa ph-ong mà lại sẵn lòng cung tiến tiền của, công sức cho các lễ nghi ? Câu trả lời ở đây rằng chắc họ phải có lý do cho sự lựa chọn của mình. Sự phát triển kinh tế có thể gây ra những nguy cơ mất mát về mặt tình cảm, đạo đức hay bản sắc văn hoá khiến cho ng-ời ta phải dùng một phần tiền kiếm đ-ợc để gìn giữ hay níu kéo những điều đó.

Theo quan niệm chung của tất cả ng-ời dân ở đây, công đức là phát tâm để lấy phúc đức, công đức giống nh- "của để dành" cho nên họ sẵn sàng và tự nguyện tham gia. Không có sự phân biệt giữa ng-ời công đức nhiều và công đức ít. Các cụ già và các hộ kinh tế còn eo hẹp rất vui và phấn khởi khi đ-ợc đóng góp phần nhỏ bé của mình dù chỉ là vài chục ngàn đồng cho việc làng. Còn đối với các hộ khá giả, các chủ kinh doanh trẻ có khả năng công đức hàng triệu đồng hay hàng chục triệu đồng thì việc công đức lại mang ý nghĩa thể hiện danh tiếng của mình trong làng xã.

"Có ng-ời coi việc làng nh- là việc của mình. Có ng-ời lại coi đó là việc chung nên chỉ tham gia ở một mức độ nhất định. Những ng-ời có điều kiện kinh tế khá giả thì tham gia với trách nhiệm cao hơn, ủng hộ nhiều hơn. Họ bỏ tiền ra công đức, ngoài cái tâm ra cũng là để mua tiếng thơm" (phỏng vấn anh P., một chủ sản xuất bánh kẹo lớn ở xóm Thống Nhất).

Cùng với việc tu sửa đình chùa, các lễ hội ở La Phù cũng đ-ợc phục hồi vào đầu những năm 90. Ngày nay, lễ hội đình làng đ-ợc tổ chức với thời gian ngắn hơn, tập trung chủ yếu vào một số

lễ tế chính. Do quy định chung của chính quyền nên cứ 5 năm một lần làng lại tổ chức r-ớc Thành Hoàng làng vào ngày mùng 7 tháng Giêng. Lễ hội đ-ợc dân làng nhiệt tình h-ởng ứng tham gia. Chi phí cho lễ hội th-ờng tốn khoảng 30 triệu đồng, phần lớn đều do ng-ời dân đóng góp. Hơn thế nữa, thanh niên các xóm th-ờng tự tổ chức quyên góp để mua pháo bông đốt trong lễ hội, chi phí cũng hết khoảng vài chục triệu. □ thức về việc thờ phụng thành hoàng làng cũng nh- trách nhiệm với việc làng của ng-ời dân còn đ-ợc thể hiện ở việc tham gia đầy đủ vào các vị trí, vai trò của mình trong lễ hội, nh- ban tổ chức, quân kiệu, lễ tân.v.v.

Tr-ớc kia làng có 6 giáp và mỗi giáp phải cử ra một ng-ời cai đám để nuôi lợn từ đầu năm tr-ớc. Hiện nay, việc r-ớc lợn đ-ợc phân chia theo xóm. Trong làng có 11 xóm nh-ng một số xóm có dân số đông lại tự chia thành hai lễ nên có tất cả 16 lễ lợn tham gia buổi r-ớc. Nếu nh-tr-ớc kia lợn r-ớc chỉ khoảng vài chục kg thì ngày nay các xóm đua nhau mổ lợn r-ớc hơn 100, gần 200kg. Vì điều kiện bận rộn làm nghề nên ngày nay ng-ời ta ít nuôi đ-ợc lợn tế nh-tr-ớc mà th-ờng là phải đi tìm mua. Sự chuẩn bị công phu, không khí náo nhiệt của buổi r-ớc lợn ở La Phù hiện nay vẫn tạo ra một nét độc đáo trong lễ hội ở đây. Và đây cũng là niềm tự hào của ng-ời La Phù về tục lệ cổ truyền của họ cũng nh- quy mô hoành tráng và sự đông đúc trong lễ hội của họ. Ngoài ra, nhiều trò chơi, hình thức văn nghệ cũng đ-ợc tổ chức từ ngày mùng 7 cho đến ngày 13 thu hút nhiều dân làng tham gia khiến cho bầu không khí cộng đồng làng xã càng trở nên thân thiết.

Đối với ng-ời dân, lễ hội làng là dịp để tâm linh họ h-ớng về cội nguồn ông bà tổ tiên. Nếu nh- ở đâu đó vẫn có ý kiến phản nản về việc các lễ hội làng tổ chức linh đình, lãng phí thời gian và tiền bạc (Endres 2001: 95, Tr-ong Huyền Chi 2000: 36) thì ở La Phù rất khó để có thể tìm thấy

ý kiến nào nh- vậy ở tất cả các tầng lớp xã hội, giới tính, độ tuổi. Các cụ già và những ng- ời có trách nhiệm tổ chức lễ hội chỉ cảm thấy lo lắng vì trách nhiệm công việc đối với họ rất nặng nề trong khi tuổi của họ đã cao. Còn giới trẻ luôn hào hứng với lễ hội, họ luôn thúc giục ng- ời già phải tổ chức lễ hội th- ờng xuyên hơn và mong muốn lễ hội của làng phải đ- ợc tổ chức linh đình, hoành tráng.

Đúng tr- ớc thực tế đó và đảm bảo việc l- u truyền, duy trì các lễ nghi một cách đầy đủ, đúng chuẩn mực, gần đây các cụ trong làng đã tổ chức ra một hội tế mới. Năm 2004, họ đã vận động đ- ợc 53 nam giới ở độ tuổi 40-50 vào hội để tập tế lễ, từng b- ớc đảm nhiệm các việc lễ hội trong làng. Đây thực sự là một sáng tạo của ng- ời dân trong tình hình mới. Nếu nh- tr- ớc kia việc tham gia vào giáp từ nhỏ giúp cho nam giới trong làng sớm học hỏi các lễ nghi và sớm đảm nhiệm đ- ợc các trọng trách của việc làng từ độ tuổi 20 thì ngày nay trong điều kiện mới, ai ai cũng bận rộn, mải mê với việc làm nghề, kiếm tiền, ng- ời ta phải l- u truyền nó bằng hình thức đơn giản và tiện lợi hơn.

Ngoài hội đình kể trên, ngày nay hội chùa La Phù vào dịp 8 tháng 3 hàng năm cũng đ- ợc tổ chức th- ờng xuyên. Tuy nhiên, việc r- ớc Thánh trong lễ hội không đ- ợc quy định cụ thể vì việc đó liên quan đến sự phối hợp với 2 làng bên, những làng cùng thờ ba vị Thánh với La Phù. Nh- ng ngay cả những năm chỉ tổ chức hội lệ thì hầu hết các gia đình trong làng đều sửa lễ ra chùa và làng cũng mở hội với nhiều trò chơi, hoạt động văn nghệ.

Nếu nh- tr- ớc kia, việc đi lễ chùa rằm, mông một chỉ diễn ra đối với các cụ bà thì ngày nay phụ nữ trẻ tuổi và trung niên cũng th- ờng xuyên đi lễ chùa hàng tháng. Chính vì vậy, nhiều ý kiến cho rằng lớp trẻ ngày nay còn sùng lễ bái hơn thế hệ ng- ời lớn tuổi tr- ớc kia. Điều kiện kinh tế khá giả cũng khiến cho nhiều cụ bà trong làng

th- ờng xuyên đi tham quan, lễ bái ở các chùa khác. Những khi các chùa trong vùng đ- ợc tu bổ, xây dựng họ cũng tổ chức quyên góp công đức.

Kết quả phỏng vấn cho thấy hầu hết các ý kiến trong làng đều khẳng định rằng La Phù là nơi từ x- a ng- ời dân đã mộ đạo, siêng năng lễ bái hơn các làng khác trong vùng. Họ cho rằng có đ- ợc điều đó là do một phần truyền thống con ng- ời nơi đây rất có tâm và một phần là do họ có nghề nghiệp và có đời sống khá giả hơn các làng khác. Đối với ng- ời dân, việc h- ớng đến tâm linh, lễ bái là một sự tiếp nối truyền thống và có giá trị trao truyền, giáo dục cho thế hệ trẻ. Đặc biệt trong điều kiện làng nghề sự cạnh tranh là điều không tránh khỏi, việc mọi ng- ời dân cùng h- ớng đến cội nguồn, tâm linh, cùng chung vai gánh vác việc làng sẽ giúp cho tình cảm con ng- ời tốt đẹp hơn.

"Làm việc đạo là để con cháu noi theo, h- ớng cho con cháu cũng có tâm linh giống nh- các thế hệ tr- ớc. Đã là làm việc đạo thì không mất đi đâu cả mà con cháu sẽ ngoan hơn, tốt hơn, sống có đạo đức hơn" (phỏng vấn bà H.K, một ng- ời lớn tuổi ở xóm Thống Nhất, La Phù).

"Quan tâm nhiều đến tâm linh, coi trọng lễ nghi sẽ giúp con ng- ời ta h- ớng thiện, h- ớng tới cuộc sống có đạo đức, tình cảm tốt đẹp hơn" (phỏng vấn anh Q., một thanh niên trẻ ở xóm Trần Phù, La Phù).

Ngoài ra, việc cùng có trách nhiệm tham gia việc làng hay cùng đi lễ bái đình chùa là những dịp để ng- ời dân thể hiện bổn phận, nghĩa vụ của mình đối với tổ tiên và cộng đồng. Thông qua những dịp đó, ng- ời dân trong làng có điều kiện để củng cố hơn tình cảm làng xã của mình. Cùng với việc duy trì, phục hồi các lễ nghi của cộng đồng, họ muốn khẳng định rõ hơn bản sắc riêng của làng quê mình, từ đó tiếng tăm về nghề nghiệp phát triển của họ sẽ bay xa cùng với những nét đẹp về văn hoá, tâm linh.

Kết luận

Những gì đang diễn ra ở La Phù cho thấy sự tăng tr-ởng kinh tế thị tr-ởng không đi cùng với việc từ bỏ các giá trị và chuẩn mực truyền thống của cha ông để lại. Những khuôn mẫu văn hoá truyền thống trong các lễ hội, nghi lễ của làng xã có một giá trị định h-ớng cho các hoạt động văn hoá của cộng đồng. Qua đó, những chuẩn mực về việc ứng xử trong làng xã đ-ợc ng-ời dân thể hiện cho thấy đây là một xã hội có trật tự, lễ nghĩa và sự cố kết cộng đồng có phần mạnh mẽ hơn cả những làng thuần nông trong vùng. Việc bảo l-u các giá trị văn hoá truyền thống là yếu tố đảm bảo cho việc duy trì bản sắc văn hoá và sự gắn kết cộng đồng trong làng xã. Hơn thế nữa, điều này lại trở thành một yếu tố quan trọng trong sự phát triển của làng nghề nhờ tính cộng đồng trong sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, trong cuộc sống hiện đại, cũng nh- những làng quê khác xung quanh, ng-ời dân La Phù cũng đang phải dung hoà những giá trị văn hoá truyền thống của mình với những ảnh h-ớng mạnh mẽ của lối sống hiện đại.

Thực tế đã cho thấy việc phát triển kinh tế đồng thời với sự bảo l-u các giá trị, chuẩn mực văn hoá truyền thống đã giúp cho La Phù trở thành một làng giàu có nh- ng con ng-ời nơi đây vẫn giữ đ-ợc nề nếp cũ, những bản chất tốt đẹp của ng-ời dân nông thôn Việt Nam. Và quan trọng hơn nữa là họ cũng hạn chế đ-ợc những tác động tiêu cực của xã hội lên cộng đồng làng xã của mình, điều mà chúng ta th-ởng gặp ở nhiều gia đình sản xuất, kinh doanh ở cả thành phố và các vùng nông thôn khác. Tuy nhiên, mặt trái của những gì đang diễn ra ở La Phù và nhiều địa ph-ong khác bắt nguồn từ quan niệm "phú quý sinh lễ nghĩa" cũng là một vấn đề cần quan tâm, nghiên cứu sâu hơn.

Tài liệu tham khảo

- Endres, Kirsten. *Local Dynamics of Renegotiating Ritual Space in Northern Vietnam: The Case of the Dinh*. SOJOURN Vol. 16, No 1 (2001), pp 70-101.
- Kleinen, John. *Facing the Future, Reviving the Past: A Study of Social Change in a Northern Vietnamese Village*. Institute of Southeast Asian Studies, 1999.
- Lê Hồng Lý (chủ biên). *Văn hoá truyền thống làng Đồng Kỵ*. Viện Văn hoá dân gian. Hà Nội, 2000.
- Luong Văn Hy. "Cải cách kinh tế và sự tăng c-ởng lễ nghi ở hai làng miền Bắc Việt Nam, 1980-90". Trong: *Những thách thức trên con đ-ờng cải cách ở Đông D-ơng*, Borje Ljunggren (chủ biên). Harvard University, 1993.
- Malarney, Shaun Kingsley. *Ritual and Revolution in Vietnam*. Unpublished Ph.D dissertation. University of Michigan.
- 'The Emerging Cult of Ho Chi Minh? A Report on Religious Innovation in Contemporary Northern Vietnam'. *Asian Cultural Studies* 22 (1996), pp 121- 131.
- *Culture, Ritual and Revolution in Vietnam*. University of Hawaii Press. Honolulu, 2002.
- Nguyễn Từ Chi. *Góp phần nghiên cứu văn hoá và tộc ng-ời*. NXB Văn hoá dân tộc, Tạp chí Văn hoá-Nghệ thuật. Hà Nội, 2003.
- Tạ Long, Trần Hồng Yến, Nguyễn Thị Thanh Bình. *Sự phát triển của làng nghề La Phù d-ới góc nhìn kinh tế, xã hội và văn hoá*. Báo cáo đề tài cấp Viện. Viện Dân tộc học. Hà Nội, 2004.
- Tr-ơng Huyền Chi. *Village affairs: The re-making of communal identity through the intensification of rituals in a northern Vietnamese village*. Paper presented at the annual meeting of the Association for Asian Studies, March 21-25, Chicago.

Endres, Kirsten. *Local Dynamics of Renegotiating Ritual Space in Northern*